

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2011

## TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 8 và 8 tháng năm 2011

### I. CÔNG NGHIỆP:

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 8 ước đạt 63.810 tỷ đồng, tăng 2,4% so tháng trước và tăng 11% so với tháng 8/2010. **Tám tháng đầu năm ước đạt 458.428 tỷ đồng, tăng 12% so cùng kỳ.** Trong đó: công nghiệp nhà nước chiếm 14,6%, tăng 3,5%; công nghiệp ngoài nhà nước chiếm 47,4%, tăng 14,3% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 37,9%, tăng 14%.

#### Giá trị sản xuất công nghiệp

	Giá trị sản xuất (giá thực tế - tỷ đồng)		% so sánh (giá so sánh)	
	Tháng 8	8 tháng	Tháng 8 so với tháng 7	8 tháng so với cùng kỳ
<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>63.810</b>	<b>458.428</b>	<b>102,4</b>	<b>112,0</b>
I. Khu vực trong nước	39.239	284.507	102,4	110,8
1. Trung ương	6.741	51.914	101,5	103,1
2. Địa phương	32.498	232.593	102,6	113,5
- Nhà nước	1.829	15.160	96,5	105,1
- Ngoài nhà nước	30.669	217.433	103,1	114,3
II. Khu vực có vốn ĐTNN	24.571	173.921	102,5	114,0

Trong 27 ngành có 5 ngành sản xuất giảm và 22 ngành tăng. Các ngành vẫn liên tục giảm qua các tháng là khai thác đá; sản xuất thuốc lá; sản xuất và phân phối điện. Trong 22 ngành tăng có 12 ngành tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành, một số ngành chiếm tỷ trọng lớn có mức tăng cao như: da giày (+26,2%), may (+21%), sản xuất vật liệu xây dựng (+15,2), sản xuất máy móc và thiết bị điện (+18,3%), dệt (+10,6%), ngành thực phẩm đồ uống tăng 9,1%

**Tốc độ phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu  
8 tháng so với cùng kỳ năm 2010**

Đơn vị tính : %

	Công nghiệp trên địa bàn	Chia ra	
		Khu vực trong nước	K.vực có vốn nước ngoài
1- Thực phẩm đồ uống	109,1	110,3	105,1
2- Sản xuất thuốc lá	95,4	95,4	-
3- Dệt may	117,2	113,6	127,9
4- Sản xuất da, giày, vali túi xách	126,2	112,0	130,6
5- Hóa chất và sản phẩm từ hóa chất	108,1	122,8	94,6
6- Sản phẩm từ cao su, plastic	107,7	106,7	113,1
7- Vật liệu xây dựng	115,2	117,6	109,6
8- Sản xuất kim loại	135,1	135,8	124,2
9- Cơ khí chế tạo <sup>1</sup>	113,2	116,2	109,1
10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông	111,6	88,5	118,6

**Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương:** tháng 8 ước đạt 6.741 tỷ đồng, tăng 1,5% so tháng trước. **Tám tháng ước đạt 51.914 tỷ đồng, tăng 3,1% so cùng kỳ.** Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 4,9%, doanh nghiệp cổ phần tăng 6,5%, công ty TNHH một thành viên giảm 7,7%. Trong 19 ngành chỉ có 4 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng đều là ngành chiếm tỷ trọng lớn với mức tăng khá: hoá chất (+33,8%), vật liệu xây dựng (+20%), máy móc và thiết bị (+8,9%), thực phẩm và đồ uống (+6,7%). 11 ngành giảm sản xuất; trong đó ngành sản xuất thuốc lá giảm 16,9%; xuất bản, in giảm 3,4% ; sản xuất ti vi, thiết bị truyền thông giảm 23,6%,....

**Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước địa phương:** tháng 8 ước đạt 1.829 tỷ đồng, giảm 3,5% so tháng trước. **Tám tháng ước đạt 15.160 tỷ đồng, tăng 5,1% so cùng kỳ.** Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 4,3%, doanh nghiệp cổ phần tăng 11,2%, công ty TNHH một thành viên giảm 14,7%. Trong 17 ngành có 10 ngành sản xuất tăng. Ngành chiếm tỷ trọng cao nhất là ngành sản xuất thuốc lá tăng 16,2%; hóa chất tăng 5,8%; cao su và plastic tăng 2,7%; thực phẩm và đồ uống tăng 1,9%. Một số ngành giảm là: sản xuất xe (-19,6 %); xuất bản, in (-8,3 %); sản xuất cao su và plastic (-1,7 %).

**Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước:** tháng 8 ước đạt 30.669 tỷ đồng, tăng 3,1% so tháng trước. **Tám tháng ước đạt 217.433 tỷ đồng, tăng 14,3% so**

<sup>1</sup> Cơ khí chế tạo bao gồm các ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe ô tô và SX phương tiện vận tải khác.

**cùng kỳ.** Trong đó hợp tác xã tăng 20%; doanh nghiệp tư nhân tăng 11,3%; công ty TNHH tăng 15,6%; công ty cổ phần tư nhân tăng 34,7%; công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50% tăng 11,2%; cá thể tăng 8,5%. Trong 26 ngành có 21 ngành sản xuất tăng, hầu hết các ngành chiếm tỷ trọng lớn đều tăng như: ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 11,9%; kế đến là ngành cao su và plastic tăng 7,5%; may tăng 16,8%; hoá chất tăng 19,1%; máy móc và thiết bị điện tăng 49,3%.

**Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài:** tháng 8 ước đạt 24.571 tỷ đồng, tăng 2,5% so tháng trước. **Tám tháng ước đạt 173.921 tỷ đồng, tăng 14% so cùng kỳ.** Trong 22 ngành có 18 ngành sản xuất tăng, trong đó ngành da giày chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 30,6%; thực phẩm đồ uống tăng 5,1%; radio, ti vi và thiết bị truyền thông tăng 18,6%; may tăng 28,3%; cao su và plastic tăng 13,1%; ngành hoá chất với tỷ trọng xếp thứ hai vẫn tiếp tục giảm qua các tháng (-5,3%).

*Theo phương pháp IIP công nghiệp trên địa bàn thành phố 8 tháng tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2010.*

## **II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

### **1. Nông nghiệp**

+ **Vụ hè thu:** Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 9.647 ha, giảm 3,3% so cùng kỳ.

Trong đó: diện tích lúa: 6.042 ha, giảm 7,3%, năng suất đạt 38,7 tạ/ha, tăng 0,8%, sản lượng ước tính đạt 23.391 tấn, giảm 6,6% so cùng kỳ.

Bắp: diện tích gieo trồng 20 ha, giảm 23,1% so cùng kỳ (-6 ha), sản lượng đạt 51 tấn, giảm 22,3% so cùng kỳ.

Rau: diện tích 2.932 ha, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước, ước tính sản lượng đạt 65.359 tấn, tăng 5,5%.

Đậu phộng: 56 ha; sản lượng 100 tấn, xấp xỉ cùng kỳ.

+ **Vụ mùa:** Đã xuống giống 1.223 ha lúa, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Rau gieo trồng 1.738ha, giảm 3,7%.

### **2. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)**

Sản lượng thủy hải sản tháng 8 ước thực hiện 4.122 tấn, tăng 28% so với tháng 8/2010 và giảm 6,6% so tháng trước; trong đó tôm các loại ước đạt 2.300 tấn, tăng khá cao 58% so cùng kỳ và giảm 13,9% so tháng trước. Sản lượng đánh bắt 1.820 tấn, chiếm 44,2% tổng sản lượng, giảm 0,9% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng ước đạt 2.302 tấn, tăng 66,3% so cùng kỳ (+ 918 tấn).

**Tổng sản lượng thủy hải sản 8 tháng** ước đạt 25.003 tấn, tăng 12% so với 8 tháng năm 2010. Sản lượng đánh bắt 14.563 tấn, tăng 1,1% so cùng kỳ; Sản



lượng nuôi trồng 10.440 tấn, tăng 31,7% so cùng kỳ (chủ yếu do sản lượng tôm thẻ nuôi tăng gấp 2 lần).

### **Tình hình thả nuôi tôm: (tính đến ngày 9/8/2011)**

+ **Tôm sú:** Có 1.132 lượt hộ thả nuôi 176 triệu con giống trên diện tích 3.767,9 ha. Số con giống nuôi công nghiệp và bán công nghiệp chiếm 29,3%; nuôi ruộng 24% và nuôi sinh thái 46,7%.

+ **Tôm thẻ chân trắng:** Có 1.486 lượt hộ thả nuôi 1.085,6 triệu con giống trên diện tích 1.494,6 ha. Số con giống nuôi theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp chiếm chủ yếu (98,3%), nuôi ruộng chiếm 1,7%.

Tính từ đầu vụ đến nay, có 240 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 196,84 ha (gấp 3 lần diện tích cùng kỳ năm 2010 và chiếm 9,8% diện tích thả nuôi trên ao), làm thiệt hại 122,67 triệu con tôm giống. Có 196 lượt hộ được xử lý bằng nguồn thuốc dập dịch, các hộ còn lại tận thu và tự xử lý.

## **III. ĐẦU TƯ:**

### **1. Đầu tư xây dựng**

**Tổng vốn đầu tư** xây dựng cơ bản trên địa bàn 8 tháng ước thực hiện 74.398 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 45%; so cùng kỳ tăng 15,2% (8 tháng năm 2010 tăng 17,5%). Trong đó: vốn ngân sách thành phố 8.863 tỷ đồng, đạt 67,2% kế hoạch và tăng 8,2% so với cùng kỳ (8 tháng năm 2010 tăng 32,2%).

#### **Vốn đầu tư từ ngân sách thành phố**

	Thực hiện 8 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch năm 2011	Cùng kỳ năm 2010
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>8.863,0</b>	<b>67,2</b>	<b>115,2</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	794,8	90,5	76,1
<b>Cấp thành phố</b>	<b>4.518,6</b>	<b>73,7</b>	<b>95,0</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	305,8	89,6	75,0
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>4.344,4</b>	<b>97,9</b>	<b>126,4</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	489,0	91,1	77,4

Để phục vụ cho năm học (2011-2012), các dự án sửa chữa và hoàn thiện trường học như Trường tiểu học Lê Anh Xuân, Quận 11; Trường THCS Phước Long A, Quận 9; trường tiểu học Lê Văn Việt, Quận 9... đạt khá cao. Nhưng nhìn chung khối lượng thực hiện 8 tháng có tốc độ tăng chậm hơn cùng kỳ năm trước (8 tháng năm 2010 tăng 30,2%). Nguyên nhân:

- Do đình hoãn và giãn tiến độ thực hiện 92 dự án với tổng số vốn điều chỉnh giảm 441,005 tỷ đồng theo Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 9 tháng 6 năm 2011;

- Nhiều công trình trọng điểm gặp khó khăn do chưa bố trí hoặc bố trí vốn không đủ. Cụ thể như: nút giao thông công chính Đại học Quốc gia TPHCM; xây dựng 10 cầu trên tỉnh lộ 9; đường nối Bình Thái – Gò Dưa, đường vành đai 2 phía Nam, cầu đường Bình Triệu 2, cầu Rạch Dơi, cầu Bông,...

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng ở các quận, huyện thực hiện rất chậm gây chậm tiến độ, làm tổng dự toán tăng lên, như: xa lộ Hà Nội, đường nối Tân Sơn Nhất-Bình Lợi-vành đai ngoài, tỉnh lộ 10, tỉnh lộ 10B, cầu Đỏ, cầu Gò Dưa...

## **2. Cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở riêng lẻ hộ dân:**

Tính đến nay, các ngành chức năng của thành phố đã cấp 26.491 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở, với diện tích sàn 4.640,6 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới 22.955 giấy phép, với diện tích 4.232,7 ngàn m<sup>2</sup> và 3.536 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 407,9 ngàn m<sup>2</sup>.

So với cùng kỳ tăng 16,5% về giấy phép (+ 3.751) và tăng 11,7% về diện tích (+ 485,3 ngàn m<sup>2</sup>).

## **3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài.**

Từ đầu năm đến ngày 16/08, đã có 207 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép đầu tư, với tổng số vốn đầu tư đăng ký 1.740 triệu USD (vốn điều lệ 435,5 triệu USD); bình quân 1 dự án có vốn đầu tư 8,4 triệu USD.

- Theo hình thức đầu tư: 52 dự án liên doanh, vốn đầu tư 390,7 triệu USD, chiếm 25,1% về số dự án và 22,4% về vốn đầu tư. 155 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 1.354 triệu USD, chiếm 74,9% về số dự án và 77,6% về vốn đầu tư.

- Theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 30 dự án, vốn đầu tư 1.096,9 triệu USD (riêng nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời tại Củ Chi có vốn đầu tư 1 tỷ USD). Ngành thương mại có 55 dự án, vốn đầu tư 140,7 triệu USD. Ngành xây dựng 28 dự án, vốn đầu tư 46 triệu USD. Ngành vận tải 9 dự án, vốn đầu tư 39,4 triệu USD. Ngành kinh doanh bất động sản, công nghệ thông tin và dịch vụ tư vấn có 79 dự án, vốn đầu tư 349,5 triệu USD. Ngành y tế 3 dự án, vốn đầu tư 70,5 triệu USD

- Theo đối tác đầu tư: Singapore có 42 dự án, vốn đầu tư 1.373,5 triệu USD. Hàn Quốc 40 dự án, vốn đầu tư 42,2 triệu USD. Nhật Bản 32 dự án, vốn đầu tư 31,4 triệu USD. Hà Lan 6 dự án, 39,2 triệu USD. Đài Loan 5 dự án, vốn đầu tư 160 triệu USD...

Có 62 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn pháp định, tổng vốn đầu tư điều chỉnh tăng 191,8 triệu USD. Như vậy, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm tính đến 16/8 là 1.936,8 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, tổng vốn đầu tư tăng 551,3 triệu USD.



Số dự án tạm ngưng hoạt động từ đầu năm đến 16/8 là 20 dự án do tình hình kinh tế khó khăn, kinh doanh không hiệu quả và nguyên nhân khác. 12 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đầu tư 7,1 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động đến 16/8 là 4.073 dự án, vốn đầu tư 31.620 triệu USD. So cùng kỳ tăng 308 dự án và tăng 2.848 triệu USD.

#### IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ CẢ

##### 1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tháng 8 trên địa bàn thành phố ước đạt 38.695 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước; trong đó thương nghiệp thuần túy chiếm 81,4%, tăng 1,5% ; kinh tế nhà nước 7.770 tỷ đồng, tăng 2,8%; kinh tế ngoài nhà nước 29.774 tỷ đồng, tăng 1,6%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.150 tỷ đồng, tăng 2,4%.

So với tháng 8/2010, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng 23,9%; riêng dịch vụ du lịch lữ hành tăng 27,5% đạt mức tăng cao nhất (nhưng tỷ trọng chỉ chiếm 2,5%); ngành thương nghiệp tăng 23,7%.

Ước tính 8 tháng, tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 291.448 tỷ đồng, tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước.

- + Kinh tế nhà nước 60.770 tỷ đồng, chiếm 20,9%, tăng 26,9%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 222.055 tỷ đồng , chiếm 76,2%, tăng 22,3%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 8.623 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 17,2%.

##### Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 8 tháng (Tỷ đồng)			% so sánh 8 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
<b>Tổng mức</b>	<b>291.448</b>	<b>282.825</b>	<b>8.623</b>	<b>123,1</b>	<b>123,2</b>	<b>117,2</b>
Tr.đó: Thương nghiệp	238.362	236.709	1.653	121,8	121,8	123,5
Khách sạn	4.933	2.138	2.795	119,3	134,3	109,9
Nhà hàng	24.052	23.488	564	130,0	130,5	112,3
Dịch vụ du lịch lữ hành	7.398	6.304	1.094	138,3	137,8	141,2

*Loại trừ yếu tố biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước (mức tăng của cùng kỳ năm trước là 20,1%).*

\* **Doanh thu du lịch** (bao gồm dịch vụ du lịch lữ hành và khách sạn) ước 8 tháng đạt 12.331 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ (riêng khách sạn tăng 19,3%; trong đó khu vực có vốn nước ngoài chiếm 56,7%, tăng 9,9%). Hiện nay ngành du lịch đã vào

mùa thấp điểm, các đơn vị kinh doanh du lịch tăng cường khuyến mãi trên giá tour và giá phòng để duy trì mức tăng trưởng chung.

## 2. Giá cả

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 tăng 0,68% so với tháng 7 và là tháng có mức tăng thấp nhất trong 8 tháng đầu năm. Trong đó có 5 nhóm hàng tăng trên mức tăng chung là “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” tăng 0,99% (riêng ăn uống ngoài gia đình tăng 2,36%), “hàng hóa và dịch vụ khác” tăng 1,52% , “giáo dục” tăng 0,96%, “may mặc, mũ nón giày dép” tăng 0,71% và “nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng” tăng 0,79%. Nhóm “bưu chính viễn thông” là nhóm duy nhất có mức giá giảm (- 0,15%), các nhóm hàng còn lại đều tăng giá, nhưng mức tăng không đáng kể.

So với tháng 8/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 18,98% (cùng kỳ tăng 8,21%). Trong đó mức tăng cao nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, tăng 27,69% (riêng hàng thực phẩm tăng 29,07%).

So với tháng 12/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 13,49%. 3 nhóm hàng có mức tăng cao hơn bình quân chung là “ăn và dịch vụ ăn uống” (+19,66%). “giao thông” (+21,51%) và “nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng” (14,04%). Riêng nhóm “dịch vụ bưu chính viễn thông” giảm 1,74%;

### Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và giá USD tháng 8

	Đơn vị tính: %		
	So với tháng 7	So với tháng 8/2010	So với tháng 12/2010
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>100,68</b>	<b>118,98</b>	<b>113,49</b>
Ăn và dịch vụ ăn uống	100,99	127,69	119,66
Trong đó: Lương thực	100,69	123,62	108,67
Thực phẩm	100,17	129,07	120,87
Ăn uống ngoài gia đình	102,36	127,60	123,69
Uống và thuốc lá	100,23	111,72	106,90
May mặc, mũ nón giày dép	100,71	114,37	108,68
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100,79	120,91	114,04
Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,40	109,92	107,08
Dược phẩm và dịch vụ y tế	100,15	108,73	106,27
Giao thông	100,00	123,31	121,51
Bưu chính viễn thông	99,85	98,32	98,26
Giáo dục	100,96	107,77	101,91
Văn hoá và giải trí	100,26	111,98	106,84
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,52	116,79	110,53
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	<b>108,76</b>	<b>147,76</b>	<b>115,24</b>
<b>3. Chỉ số tỷ giá USD</b>	<b>100,15</b>	<b>107,34</b>	<b>97,05</b>

Giá vàng tháng 8 tăng 8,76% so với tháng trước, tăng 47,76% so với tháng 8/2010 và tăng 15,24% so với tháng 12/2010.

Chỉ số giá USD tăng 0,15% so với tháng trước và giảm 2,95% so với 12/2010.

## V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 8 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 29.977,9 triệu USD, tăng 4.650,3 triệu USD so với 8 tháng cùng kỳ năm trước (+18,4%). Khu vực kinh tế trong nước 22.091,9 triệu USD, chiếm 69,6%, tăng 17,2% (tăng 3.623,8 triệu USD) và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài 7.886 triệu USD, chiếm 30,4%, tăng 21,8% (tăng 1.411,6 triệu USD).

### 1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 8 ước thực hiện 2.533,4 triệu USD, giảm 20,8% so với tháng trước; khu vực kinh tế trong nước giảm 25,3%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,9%. **Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.728,4 triệu USD, giảm 26,5% so với tháng trước và giảm 29,2% so với tháng 8/2010.**

Tám tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước thực hiện 18.284,9 triệu USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế trong nước 14.181 triệu USD, tăng 20,9%. **Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 13.221 triệu USD, tăng 11,4% và khu vực kinh tế trong nước tăng 8,2%.**

#### Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không kể dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 8	8 tháng	Tháng 8 với tháng 7	8 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>1.728,4</b>	<b>13.221,0</b>	<b>73,5</b>	<b>111,4</b>
Kinh tế Nhà nước	524,9	4.096,4	81,2	117,3
Kinh tế tập thể	1,5	11,7	100,6	104,6
Kinh tế tư nhân	640,0	5.009,3	55,8	101,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	562,0	4.103,6	100,9	119,2

*Nếu loại trừ thêm giá trị vàng (không bao gồm hàng nữ trang) trị giá hàng xuất khẩu 8 tháng tăng 22,2% so với cùng kỳ.*

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- + Hàng gạo ước đạt 808,6 triệu USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm trước (giá bình quân giảm 6,7%, lượng giảm 4,4%);
- + Hàng thủy sản đạt 263,2 triệu USD, tăng 12,9%;
- + Hàng sữa 80,2 triệu USD, tăng 38,4%;



- + Hàng may mặc 1.409,3 triệu USD, tăng 18,5%;
- + Hàng giày dép 376,3 triệu USD, tăng 17,9%;
- + Dầu thô ước đạt 5.063,9 triệu USD, tăng 53,2% (lượng tăng 4,1% và giá bình quân tăng 47,3% ) so cùng kỳ;
- + Trị giá vàng ước xuất khẩu 979 triệu USD, bằng 52,8% cùng kỳ năm trước.

## 2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 8 ước thực hiện 2.146,9 triệu USD, tăng 2% so tháng trước; khu vực kinh tế trong nước tăng 2,4%; khu vực kinh tế nước ngoài tăng 0,8%. So với tháng 8/2010, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tăng 21,5%.

**Tám tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước thực hiện 16.756,9 triệu USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước.**

### Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 8	8 tháng	Tháng 8 với tháng 7	8 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>2.146,9</b>	<b>16.756,9</b>	<b>102,0</b>	<b>124,5</b>
Kinh tế Nhà nước	559,7	5.156,4	105,0	133,4
Kinh tế tập thể	1,2	8,0	101,7	124,7
Kinh tế tư nhân	1.080,0	7.810,1	101,1	119,1
K.tế có vốn nước ngoài	506,0	3.782,4	100,8	124,7

Các mặt hàng chủ yếu nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước trong 8 tháng qua đều tăng so với cùng kỳ do giá trên thị trường thế giới tăng và do các doanh nghiệp tăng nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất:

- + Sữa và sản phẩm sữa 356,4 triệu USD, tăng 35,5 %;
- + Nhiên liệu 988,8 triệu USD, tăng 94,8% (tăng 37,3% về lượng, giá bình quân tăng 41,9%);
- + Nguyên phụ liệu may 613,5 triệu USD, tăng 20,8%;
- + Phụ liệu giày dép đạt 123,5 triệu USD, tăng 19,7%;
- + Sắt thép 157,7 triệu USD, giảm 16,4%;
- + Tân dược 603,5 triệu USD, tăng 48,2%;
- + Dầu mỡ động thực vật 130,1 triệu USD, tăng 44,4%;

## VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

### 1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 8 ước đạt 3.191,3 tỷ đồng, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 30,8% so với tháng 8/2010; ước tính 8 tháng đạt 22.513,6 tỷ đồng, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 18,5%, tăng 9,8%.

#### Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 8 tháng

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 8 tháng với cùng kỳ 2010	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>15.213,5</b>	<b>7.300,1</b>	<b>123,3</b>	<b>129,2</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	3.665,9	491,8	106,2	147,1
Kinh tế ngoài nhà nước	11.424,2	4.897,8	130,0	126,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	123,4	1.910,5	128,2	132,6
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	7.518,7	5.505,3	121,4	129,2
Đường sông	1.345,4	113,6	141,5	127,6
Đường biển	6.302,6		122,2	
Đường hàng không	46,8	1.681,2	139,3	129,2

Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 8 ước đạt 2.144,4 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước và tăng 26,4% so với tháng 8/2010. Lũy kế 8 tháng đạt 15.213,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 67,6% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 23,3% so với cùng kỳ; doanh thu ngành vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 41,4% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa và tăng 22,2%.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 8 ước đạt 1.046,9 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 40,9% so với tháng 8/2010. Lũy kế 8 tháng đạt 7.300,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,4% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 29,2% so với cùng kỳ; trong đó doanh thu vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 75,4% doanh thu của ngành này và tăng 29,2% so với cùng kỳ; kể đến là vận tải hàng không chiếm 23%, tăng 29,2%.

### 2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá thông qua cảng sông và cảng biển tháng 8 ước thực hiện 5.029,2 ngàn tấn, tăng 1% so tháng trước và tăng 0,2% so với tháng 8/2010. Ước 8 tháng đạt 37.977,8 ngàn tấn, giảm 0,6% so với 8 tháng cùng kỳ năm trước; trong đó

hàng hoá xuất khẩu 14.436,6 ngàn tấn, chiếm 38%, tăng 2,2%; hàng nhập khẩu 18.000,4 ngàn tấn, chiếm 47,4%, giảm 1,8%.

Hàng hoá qua cảng biển chiếm 95,6% sản lượng, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

### Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (ngàn tấn)		% so sánh	
	Tháng 8	8 tháng	Tháng 8 so tháng 7	8 tháng so cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>5.029,2</b>	<b>37.977,8</b>	<b>101,0</b>	<b>99,4</b>
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	4.753,3	36.191,4	100,9	99,4
Cảng sông	275,9	1.786,4	102,7	99,5
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	1.910,0	14.436,6	100,8	102,2
Hàng nhập khẩu	2.323,3	18.000,4	101,1	98,2
Hàng nội địa	795,9	5.540,8	101,5	96,1

Doanh thu bốc xếp và dịch vụ vận tải 8 tháng ước đạt 20.747,9 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Riêng bốc xếp hàng hóa chiếm 17,8% doanh thu, tăng 16,6%.

## VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

### 1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 8 tháng ước thực hiện 132.324,6 tỷ đồng, đạt 74,4% dự toán, tăng 20,2% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 70.593 tỷ đồng, đạt 71,3% dự toán, tăng 22,9%; thu từ dầu thô đạt 18.599,5 tỷ đồng, vượt dự toán 63,2%, tăng 61,8%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 42.000 tỷ đồng, tăng 4,7%.

### Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2010
<b>Tổng thu</b>	<b>177.970</b>	<b>132.324,6</b>	<b>74,4</b>	<b>120,2</b>
<b>Tổng thu cân đối ngân sách NN</b>	<b>172.706</b>	<b>131.192,4</b>	<b>76,0</b>	<b>120,3</b>
I- Thu nội địa	98.996	70.593,2	71,3	122,9
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	25.810	15.378,8	59,6	103,0
2. Khu vực ngoài nhà nước	26.880	17.579,8	65,4	121,3
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	22.200	15.107,0	68,0	135,0



II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	62.310	42.000,0	67,4	104,7
III- Thu từ dầu thô	11.400	18.599,5	163,2	161,8

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 8 tháng ước đạt 15.378,8 tỷ đồng, chiếm 21,8% tổng thu nội địa, tăng 3% so cùng kỳ (*Nhà nước trung ương 8.860,6 tỷ đồng, tăng 26,4%; Nhà nước địa phương 6.518,2 tỷ đồng, giảm 17,7%*). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 17.579,8 tỷ đồng, chiếm 24,9% thu nội địa, tăng 21,3%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 15.107 tỷ đồng, chiếm 21,4% thu nội địa, tăng 35%. Các khoản thu khác đạt 22.527,4 tỷ đồng, tăng 33,9% (trong đó: thuế thu nhập cá nhân tăng 52,4%, tiền sử dụng đất tăng 59,1%).

Thu ngân sách nhà nước địa phương 8 tháng ước đạt 36.405 tỷ đồng, vượt 1,7% dự toán, tăng 15,7% so cùng kỳ năm 2010.

### Chi ngân sách địa phương

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
<b>Tổng chi (trừ tạm ứng)</b>	<b>35.422,9</b>	<b>24.515,3</b>	<b>69,2</b>	<b>110,3</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.300,0	13.114,7	116,1	103,6
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.348,9	1.588,2	47,4	247,1
II- Chi thường xuyên	18.750,0	11.175,5	59,6	118,9
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	2.690,0	1.485,5	55,2	117,6
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.974,9	2.901,1	58,3	114,8
Sự nghiệp y tế	2.161,4	1.436,8	66,5	115,8
Quản lý hành chính	2.717,3	1.670,4	61,5	124,3

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 8 tháng ước thực hiện 24.515,3 tỷ đồng, đạt 69,2% dự toán, tăng 10,3% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển <sup>(2)</sup> ước thực hiện 13.114,7 tỷ đồng, tăng 3,6% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 11.175,5 tỷ đồng, tăng 18,9% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.485,5 tỷ đồng, tăng 17,6%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.901,1 tỷ đồng, tăng 14,8%; chi sự nghiệp y tế 1.436,8 tỷ đồng, tăng 15,8%; chi quản lý hành chính tăng 24,3%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 18,5%; chi đảm bảo xã hội tăng 46,9%.

Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng 8 tháng ước đạt 37.620,6 tỷ đồng, tăng 21,1% so cùng kỳ.

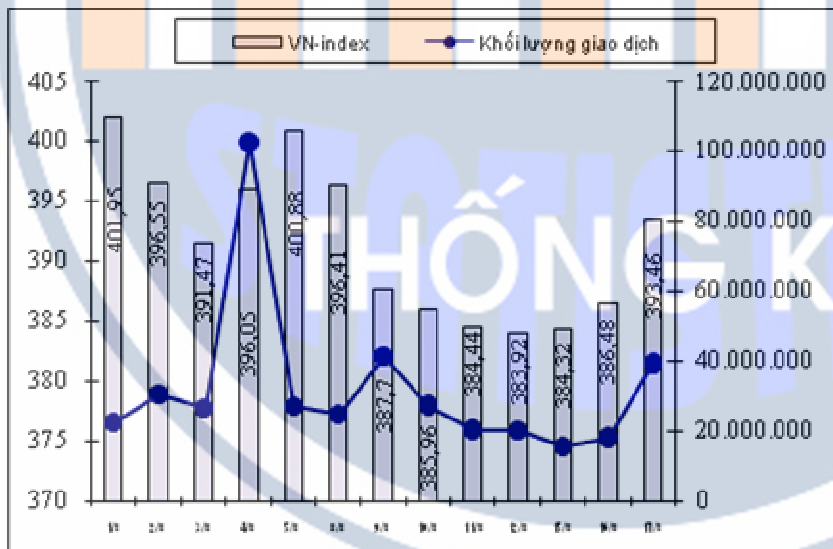
<sup>2</sup> Nếu không tính số tiền tạm ứng vốn đầu tư XDCB đến hết ngày 31/01/2011 chưa thanh toán được chuyển sang năm 2011 thanh toán và quyết toán thì chi đầu tư phát triển 8 tháng ước đạt 6.050,6 tỷ đồng, đạt 76,1% dự toán và bằng 59% kế hoạch vốn đợt 1.

## 2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 8 ước đạt 857,7 ngàn tỷ, tăng 22,1% so cùng kỳ và tăng 6,4% so đầu năm. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 62% tổng vốn huy động, tăng 40,6% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 23,3%, tăng 11,8% so cùng kỳ. Vốn huy động VND chiếm 76,7%, tăng 25,6% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm đạt 327,2 ngàn tỷ đồng, tăng 32,4%, chiếm 38,1% tổng vốn huy động.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 8 ước đạt 753,5 ngàn tỷ đồng, tăng 17,5% so cùng kỳ, tăng 6,3% so đầu năm. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần 384 ngàn tỷ đồng, chiếm 51,5% tổng dư nợ, tăng 22,4% so cùng kỳ, tăng 7,2% so đầu năm. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 231,2 ngàn tỷ đồng, chiếm 30,7% tổng dư nợ, tăng 25,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VND tăng 14,2% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 44,5%, tăng 16,9%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 18%.

## 3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 17/8 tổng số chứng khoán giao dịch khớp lệnh là 300 (tăng 7,1% so đầu năm) gồm 295 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 247.937 tỷ đồng, tăng 8,6% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 176.507 tỷ đồng, chiếm 71,2%; trái phiếu đạt

68.669 tỷ đồng, chiếm 27,7%; chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 1,1%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 522.314 tỷ đồng, giảm 12% so đầu năm. VN-Index tại thời điểm báo cáo đạt 393,46 điểm, giảm 18,8% so đầu năm, tương ứng giảm 91,2 điểm.

Khối lượng giao dịch của 17 ngày đầu tháng 8 đạt 415,1 triệu chứng khoán, tăng 33% so tháng trước, giảm 13,7% so cùng kỳ; bình quân mỗi phiên có 31,9 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị bình quân đạt 572,3 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đạt 5.402,6 triệu chứng khoán, giảm 15,5% so cùng kỳ. Trong đó, khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 4.402,2 triệu chứng khoán, giảm 25,2% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 1.000,4 triệu chứng khoán, tăng 95,7%; khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 5.333,7 triệu cổ phiếu, giảm 15,1%; khối lượng giao dịch trái phiếu đạt 11,6 triệu trái phiếu, tăng 25,3%.



Giá trị giao dịch của 17 ngày đầu tháng 8 đạt 7.439,7 tỷ đồng, tăng 34,9% so tháng trước, giảm 46,1% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3.912,5 tỷ đồng, chiếm 52,6% tổng giá trị giao dịch, giảm 67,6% so cùng kỳ; giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 7.378,9 tỷ đồng, chiếm 99,2%, giảm 46,2% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, giá trị giao dịch đạt 118.025 tỷ đồng, giảm 50,8% so cùng kỳ. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 92.118,6 tỷ đồng, giảm 58%; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 25.906,4 tỷ đồng, tăng 26,1%; giá trị giao dịch của cổ phiếu đạt 116.554 tỷ đồng, giảm 51% so cùng kỳ.

### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	17 ngày tháng 8	Lũy kế đến tháng 8	Tháng 8 so tháng 7	8 tháng so cùng kỳ
<b>Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)</b>	<b>415,1</b>	<b>5.402,6</b>	<b>133,0</b>	<b>84,5</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	412,0	5.333,7	137,6	84,9
Trái phiếu	0,5	11,6	246,6	125,3
Chứng chỉ quỹ	2,6	57,3	20,9	54,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	247,5	4.402,2	117,0	74,8
Giao dịch thỏa thuận	167,6	1.000,4	166,7	195,7
<b>Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)</b>	<b>7.439,7</b>	<b>118.025,0</b>	<b>134,9</b>	<b>49,2</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	7.378,9	116.554,0	135,5	49,0
Trái phiếu	45,6	1.052,9	235,3	130,1
Chứng chỉ quỹ	15,2	418,1	31,5	35,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.912,5	92.118,6	111,2	42,0
Giao dịch thỏa thuận	3.527,2	25.906,4	176,7	126,1

## VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

### 1. Y tế:

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Số ca mắc bệnh có chiều hướng tăng và xảy ra ở trên toàn bộ 24 quận huyện trong thành phố nhưng xuất hiện tập trung tại các quận 8, Tân Bình, Bình Tân và huyện Bình Chánh. Trong tháng 7 có 1.437 ca mắc, gấp 2,27 lần cùng kỳ năm trước (+804 ca) và tăng 67,9% (+581 ca) so với tháng trước. Tính chung 7 tháng đầu năm đã có 6.121 ca, gấp 2,2 lần (+3.301ca) so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 2 ca tử vong (cùng kỳ năm 2010 không có trường hợp tử vong).

- **Bệnh tay chân miệng:** Trong tháng 7 có 2.061 ca, giảm 1,4% (giảm 29 ca) so với tháng trước. Tính chung 7 tháng đầu năm, tổng số ca mắc tay chân miệng là



6.809 ca, gấp 3,7 lần so với cùng kỳ năm trước (+4.973 ca); đã có 22 ca tử vong (năm trước chỉ có 1ca tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố và tập trung nhiều ở Quận 8, Huyện Bình Chánh, Quận Bình Tân, Tân Phú, Thủ Đức.

- **Bệnh tiêu chảy, tả:** Tính đến ngày 03/08/2011 trên địa bàn thành phố có 1.956 ca mắc tiêu chảy so với cùng kỳ năm trước giảm 15,8% (giảm 366 ca), không có trường hợp tử vong. Từ đầu năm đến nay ghi nhận 01 trường hợp dương tính với phẩy khuẩn tả tại Quận Thủ Đức.

## **2. Tình hình trật tự an toàn xã hội (tháng 7/2011)**

**Vi phạm kinh tế:** đã phát hiện và xử lý 63 vụ, thu giữ hàng hóa trị giá trên 16,6 tỷ đồng chủ yếu là thuốc lá ngoại, điện thoại di động, ngoại tệ,...

**Phạm pháp hình sự:** đã xảy ra 472 vụ, so với tháng trước tăng 2,2%; so với cùng kỳ năm trước giảm 10,4% (-55 vụ), làm chết 23 người, bị thương 54 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 8 tỷ đồng. Đã điều tra khám phá được 303 vụ, bắt 422 người vi phạm.

### **Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội**

\* **Ma túy:** số vụ vi phạm về ma túy là 149 vụ (mua bán – tàng trữ 125 vụ, sử dụng trái phép chất ma túy 24 vụ), đã khởi tố 115 vụ với 156 người vi phạm; xử lý hành chính 34 vụ với 143 người vi phạm; lập hồ sơ 59 người nghiện đưa vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã. Ngoài ra thành phố triệt phá được 06 điểm tàng trữ, mua bán chất ma túy; bắt 23 người vi phạm và thu giữ nhiều hiện vật.

\* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** đã triệt phá 5 ổ mại dâm; lập hồ sơ xử lý 32 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 6 gái mại dâm, 125 đối tượng lang thang, xin ăn, 330 đối tượng nghiện ma túy; Kiểm tra lập biên bản 460 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

\* **Cờ bạc, cá độ:** đã lập hồ sơ xử lý 154 vụ tổ chức cờ bạc với 818 người tham gia, thu giữ trên 533 triệu đồng, 750 USD và nhiều hiện vật.

**Trật tự an toàn giao thông:** Trong tháng 7, trên địa bàn thành phố xảy ra 86 vụ tai nạn giao thông đường bộ, so với tháng trước tăng 1,2 %, so với cùng kỳ năm trước tăng 8,9 %; làm chết 75 người, bị thương 31 người, làm hư hỏng 109 xe các loại.

Đã lập biên bản xử lý hành chính 117 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 5.315 xe các loại, tước giấy phép lái xe 2.900 trường hợp, 183 xe chở quá tải,... chuyển Kho bạc nhà nước thu trên 16,5 tỷ đồng tiền xử phạt.

**Về tình hình cháy, nổ:** trong tháng 7, đã xảy ra 11 vụ cháy, giảm 1 vụ so với tháng trước, nhưng tăng 3 vụ so với tháng 7/2010; không có thiệt hại về người,

thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 174 triệu đồng trong đó có 2 vụ chưa ước tính được thiệt hại. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện.

### **3. Giải quyết việc làm:**

Trong tháng 8, thành phố đã giải quyết việc làm cho 24,5 ngàn lao động, giảm 4,7% so tháng trước. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 15,6 ngàn người, giảm 5,1% so tháng trước. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 15,1 ngàn, giảm 0,4% so tháng trước.

Từ đầu năm đến nay đã có 178,3 ngàn lượt lao động được giải quyết việc làm, đạt 67,3% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 119,1 ngàn người, chiếm tỉ lệ 66,7% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 82,4 ngàn, đạt 68,7% kế hoạch năm.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2011.

**Q. CỤC TRƯỞNG**

(đã ký)

**Lê Thị Thanh Loan**

**CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH**  
**PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP**  
**ĐT: 38 299 838, 38 244 733**